THCS NGUYỄN HUỆ

NĂM HỌC: 2013-2014

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CẢ NĂM

LỚP 9/7

STT	Họ Và Tên	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch Sử	Địa Lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mỹ thuật	Môn học tự chọn			TBcm hk	Kết quả xếp loại và thi đua		
															NN2	Tin học			HL	HK	TĐ
1	Nguyễn Hồng Anh																				
2	Lê Á Đông	5.4	4.2	5.9	7.9	5.2	7.7	7.8	4.1	8.1	6.4	Đ	Đ	Đ				6.3	Tb	T	
3	Huỳnh Thái Hòa	5.9	4.5	6.1	7.6	4.9	6.4	6.5	4	6.8	7	Đ	Đ	Đ				6.0	Tb	K	
4	Trịnh Lâm Kiệt	6.5	5.4	8	7.9	5.6	7.8	6.8	5.7	7.5	6.4	Đ	Đ	Đ				6.8	K	T	HSTT
5	Phan Hoài Bảo Linh																				
6	Nguyễn Hồng Mỹ																				
7	Phan Ngọc Thanh Ngân	8.6	7.5	9	9.1	8	8.8	9.1	6.5	8.8	8.5	Đ	Đ	Đ				8.4	G	T	HSG
8	Lê Hoàng Ngọc Nhàn	6.8	5.1	7.5	8.3	6.7	7.4	8	7.1	8.8	7.1	Đ	Đ	Đ				7.3	K	T	HSTT
9	Huỳnh Ngọc Nhi	5.1	4.9	4.8	8.3	6.3	6.2	7.1	3.5	8.3	7.4	Đ	Đ	Đ				6.2	Tb	T	
10	Võ Thanh Phong	5.2	4.4	6.1	7.4	5.1	7	6.6	3.9	6.9	6.4	Đ	Đ	Đ				5.9	Tb	Tb	
11	Vũ Việt Minh Sang																				
12	Nguyễn Đức Tài	6.8	5.1	7.6	7.9	5.4	7	7.9	4.3	6.4	7.2	Đ	Đ	Đ				6.6	Tb	T	
13	Nguyễn Thị Thanh Tâm	8	5.9	7.3	9	6.3	8	8	4.7	8.4	8.8	Đ	Đ	Đ				7.4	Tb	T	
14	Nguyễn Hữu Tân	5.5	3.7	5.7	6.8	5	5.3	6.7	3.9	5.8	6.6	Đ	Đ	Đ				5.5	Tb	K	
15	Nguyễn Đức Thắng	8.4	6.1	7.9	9.7	7.9	9.1	9.2	6	9.4	9.6	Đ	Đ	Đ				8.3	K	T	HSTT
16	Trần Lý Anh Thư	8.8	8	9.5	9.9	8.1	9	9.7	7.7	9.4	8.8	Đ	Đ	Đ				8.9	G	T	HSG
17	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	5.2	4.6	5	8.4	5.8	6.5	8	3.9	7.6	6.7	Đ	Đ	Đ				6.2	Tb	T	
18	Lê Bình Triệu	7.5	6.3	8.3	9.2	7.1	8.1	8.8	5	8.8	7.6	Đ	Đ	Đ				7.7	K	T	HSTT
19	Trần Lê Minh Anh Tú	6.6	6.6	9.1	9.6	7.1	8.8	9.1	6.2	8.9	7.7	Đ	Đ	Đ				8.0	K	T	HSTT
20	Đặng Thị Kim Vui	7.2	6.2	9	8.6	6.8	8.4	8.6	5.6	8.5	8.6	Đ	Đ	Đ				7.8	K	T	HSTT
21	Đặng Thị Như Ý	6.4	5.8	5.9	8.3	5.8	7.3	7	4.6	7.2	6.7	Đ	Đ	Đ				6.5	Tb	T	

22	Phan Ngọc Như Ý	6.8	5.8	9.1	9.2	6.9	8.2	8.3	5	8.4	7.5	Đ	Đ	Đ				7.5	K	T	HSTT
23	Phạm Thị Kim Yến	7.7	7.3	9	9.8	7.4	9	9.2	5.1	8.8	8.8	Đ	Đ	Đ				8.2	K	T	HSTT

Ký xác nhận của giáo viên chủ nhiệm

Trong trang này có ..... điểm được sửa chữa, trong đó môn: Toán .... điểm, Vật lí .... điểm, Hóa học ..... điểm, Sinh học ..... điểm, Ngữ văn .... điểm, Lịch sử ..... điểm, Ngoại ngữ ..... điểm, GDCD ..... điểm, Công nghệ ..... điểm, Thể dục ....., Âm nhạc ..... , Mĩ thuật ....., NN2 ..... điểm, Tin học ..... điểm .... điểm